TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2021.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bế Thị Thu Trang.**

2. Ông **Lý Anh Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ưu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Ch**, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: ĐKHKTT: Thôn Kh, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tạm trú: Tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Triệu Văn D**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và chồng là anh Triệu Văn D, kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân do anh D thường xuyên rượu chè, lô đề, không tu trí làm ăn, thường xuyên say rượu và dọa nạt, chửi mắng chị Ch. Chị Ch đã khuyên bảo nhiều lần và tha thứ cho anh D nhiều lần nhưng anh D không chịu thay đổi. Đến tháng 02/2020 vợ chồng sống ly thân, khi đó chị Ch ra sống ở quầy thuốc tại tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B. Đến tháng 04/2020 hai bên gia đình có hòa giải khuyên bảo hai vợ chồng thì hai vợ chồng lại về sống với nhau ở nhà bố mẹ chồng tại tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B. Cho đến tháng 6/2020 thì anh D lại tiếp tục rượu chè, lô đề, không tu trí làm ăn, thường xuyên say rượu và dọa nạt, chửi mắng chị Ch, anh D ra tận hiệu thuốc chửi bới đập phá và khi đó công an thị trấn có đến giải quyết hòa giải. Sau đó chị Ch lại tiếp tục sống ly thân chồng và lại ra sinh sống, làm việc tại quầy thuốc tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B. Thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nay xác định tình cảm không còn, chị Ch xin được ly hôn với anh Triệu Văn D.

Về con chung: Hai vợ chồng chị Ch có 02 con chung là Triệu Thu H sinh ngày 10/02/2012 và Triệu Triều D sinh ngày 30/7/2019, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng chị Ch. Khi ly hôn chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Triệu Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 bị đơn anh Triệu Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Ch xây dựng gia đình năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020. Trong quá trình sống ly thân hai vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nhưng chị Ch xin ly hôn anh D hoàn toàn không nhất trí, anh D mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Hai vợ chồng anh D có 02 con chung là Triệu Thu H sinh ngày 10/02/2012 và Triệu Triều D sinh ngày 30/7/2019, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng chị Ch. Nếu phải ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục hai con chung và không yêu cầu chị Triệu Thị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn anh Triệu Văn D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Ch. Chị Triệu Thị Ch được ly hôn anh Triệu Văn D.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Thu H sinh ngày 10/02/2012 và Triệu Triều D sinh ngày 30/7/2019 cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Triệu Văn D được phép đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy không xem xét.

- Về án phí: Chị Triệu Thị Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Triệu Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Ch và anh Triệu Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 28/9/2011. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Ch và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh D thường xuyên rượu chè, lô đề, không tu trí làm ăn, thường xuyên say rượu và dọa nạt, chửi mắng chị Ch; mâu thuẫn đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn vợ chồng ở thôn Kh, xã Th, Tiểu khu x, thị trấn Ch và gia đình cũng đã biết và có khuyên bảo vợ chồng chị Ch, anh D nhưng hai vợ chồng không tự hòa giải mâu thuẫn với nhau được.

Về phía chị Ch trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh Triệu Văn D thừa nhận quá trình chung sống có sự mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên anh D lại không nhất trí ly hôn và mong muốn được đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị Ch và anh D, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của vợ chồng chị Ch, anh D đều thể hiện: Sau khi kết hôn năm 2011 thì hai vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ anh D tại tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B. Sau đó đến năm 2017 thì hai vợ chồng chuyển hộ khẩu vào thôn Kh, xã Th, huyện B. Tuy hai vợ chồng chuyển khẩu vào đó nhưng lại không cùng chung sống với nhau ở trong thôn Kh mà vẫn cùng sinh sống ở nhà bố mẹ anh D ở tiểu khu x, thị trấn Ch. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian mấy năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh D thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn và thường hay chửi mắng chị Ch. Tháng 6/2020 anh D có tìm đến quầy thuốc của chị Ch để đập phá gây mất trật tự trị an nên chị Ch có báo công an thị trấn lên để giải quyết. Công an thị trấn Ch đã phối hợp với Tiểu khu trưởng tiểu khu x, trưởng thôn Kh tiến hành khuyên bảo, hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn mâu thuẫn, không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh D đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cũng xét thấy tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 anh D khai: Hai vợ chồng có sự mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh D không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh D không chấp hành các giấy triệu tập đến phiên tòa xét xử của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể

hiện anh Triệu Văn D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Triệu Thị Ch. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Ch là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hai vợ chồng chị Ch và anh D có 02 con chung là Triệu Thu H sinh ngày 10/02/2012 và Triệu Triều D sinh ngày 30/7/2019, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, con chung đang sinh sống cùng chị Ch. Khi ly hôn chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Triệu Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía anh D yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo tất cả quyền lợi của con chung, con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Triệu Thu H hiện nay đã trên bảy tuổi, tại bản tự khai cháu H trình bày nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là được sống với mẹ là chị Triệu Thị Ch vì mẹ chăm sóc tốt hơn bố. Cháu Triệu Triều D được hơn một tuổi theo quy định của pháp luật được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Bên cạnh đó, chị Ch có điều kiện để nuôi con hơn anh D, chị Ch hiện đang kinh doanh và có một quầy thuốc tại tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000[đ] *(Mười lăm triệu đồng)*. Đây là điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Về phía anh D thường xuyên uống rượu say, chơi lô đề không chịu làm ăn, không có tài sản để đảm bảo nuôi con chung. Anh D không là tấm gương sáng để cho các con học tập. Ngoài ra, anh D không cung cấp cho Tòa án được các chứng cứ, tài liệu, thông tin gì để chứng minh về điều kiện kinh tế của mình. Mặt khác, cháu H đang đến độ tuổi phát triển về tâm sinh lý lại có nguyện vọng sống với chị Ch nên con gái giao cho mẹ là chị Ch chăm sóc sẽ thuận tiện hơn cho cháu nhất là khi cháu đến tuổi dậy thì...

Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao 02 con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho anh D. Vì lẽ đó cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung của chị Ch.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Ch. Chị Triệu Thị Ch được ly hôn anh Triệu Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Triệu Thu H sinh ngày 10/02/2012 và Triệu Triều D sinh ngày 30/7/2019 (các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Triệu Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Triệu Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị Ch phải chịu 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03772 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Ch đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn Ch;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn